

TRƯỜNG CHINH VỚI VĂN HOÁ, VĂN NGHỆ VÀ BÁO CHÍ

PHONG LÊ*

Đúng vào dịp Xuân Đình Hội 2007 này, Trường Chinh, nhà hoạt động chính trị lớn của Đảng, một trong số ít học trò gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chẵn 100 năm sinh. Có thể nói hoạt động nhiều mặt của Trường Chinh gắn bó khăng khít với lịch sử cách mạng Việt Nam, trong đó nổi lên yêu cầu số một là giải phóng đất nước ra khỏi ách ngoại xâm. Công cuộc giải phóng đất nước theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin kéo dài suốt hơn nửa thế kỷ, kể từ ngày ra đời Đảng Cộng sản Đông Dương và những chuẩn bị khẩn trương cho Cách mạng tháng Tám đến kết thúc hai cuộc kháng chiến vĩ đại. Ở vị trí là Tổng bí thư của Đảng từ năm 1941 cho đến trước Đại hội lần thứ III của Đảng năm 1960, và ở các cương vị cao nhất của chính quyền Nhà nước cho đến ngày qua đời, đồng chí Trường Chinh đã có những đóng góp to lớn cho Đảng và dân tộc ở tư cách nhà hoạt động chính trị.

I

Nhưng là một nhà chính trị có tầm bao quát nhiều mặt hoạt động xã hội, Trường Chinh còn có những hoạt động phong phú trên các lĩnh vực văn hoá, văn học nghệ thuật; không kể đồng thời ông còn là một nhà thơ trong trào lưu văn học cách mạng trước 1945, với tập *Thơ Sóng Hồng*, ấn hành năm 1967. Có thể nói ở phần giữa thế kỷ XX này, Trường Chinh vừa là nhà lý luận, lại vừa là nhà thiết kế một đường lối văn hoá, văn nghệ cách mạng tương ứng và phục vụ cho công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân từ sau Cách mạng tháng Tám; cho đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc từ sau 1954, và trên phạm vi cả nước từ sau 1975, cho đến cuối năm 1986, năm tiến hành Đại hội lần thứ VI của Đảng. Đường lối đó, nằm trong Đường lối cách mạng Việt Nam

* GS. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

nói chung, có khởi đầu từ *Đề cương về văn hoá Việt Nam* năm 1943 mà Trường Chinh là người có trách nhiệm khởi thảo cho đến bài phát biểu tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ IV, tháng 12-1968: *Văn nghệ phải góp phần giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến tới thống nhất nước nhà*, trong đó ông tổng kết và nêu lên 8 mục, được xem là “8 quan điểm cơ bản” - “những quan điểm làm cơ sở cho đường lối văn nghệ của Đảng ta” chiếm trọn toàn bộ phần I của bài phát biểu, có tên: *Về đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng ta*.

8 mục, được hiểu là “8 quan điểm cơ bản” đó là:

1. Văn nghệ là vũ khí sắc bén của giai cấp công nhân, của Đảng trong cuộc đấu tranh để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra.

2. Văn nghệ ta phải thực sự là nền văn nghệ của nhân dân.

3. Văn nghệ ta phải có tính dân tộc. Văn nghệ ta phải là văn nghệ của nhiều dân tộc ở nước ta.

4. Văn nghệ phản ánh hiện thực khách quan một cách cao đẹp, góp phần cải tạo hiện thực đó theo một lý tưởng nhất định.

5. Mục đích của văn nghệ ta là giáo dục con người mới.

6. Tiếp thu có phê phán những tinh hoa của văn nghệ dân tộc và những thành tựu tốt đẹp của văn nghệ thế giới xưa và nay.

7. Nắm vững phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa để sáng tác và phê bình.

8. Với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chúng ta xây dựng một nền văn hoá, văn nghệ cao đẹp nhất của loài người”.

Vậy là ở đây, qua 8 mục, bản báo cáo đã bao quát gần như đầy đủ những phạm vi cần quan tâm của lý luận văn nghệ (maxxit leninist): chức năng và vai trò, đặc trưng và tính chất, mục đích và nhiệm vụ, phương pháp sáng tác và mục tiêu xa của văn nghệ cách mạng.

(Nhìn vào 8 mục này, được nêu ở thời điểm 1968, trên sự phát triển của văn học- nghệ thuật hôm nay, sau khoảng lùi ngót 40 năm, ta dễ thấy có mục vẫn còn nguyên giá trị, bên cạnh những mục do chỉ thích hợp với hoàn cảnh cách mạng một thời nên không thể vận dụng trong hoàn cảnh mới; lại có mục đi quá xa, hoặc không phù hợp với mục tiêu đích thực của văn chương- nghệ thuật).

Điều cần lưu ý là trong một thời gian khá dài, “8 quan điểm cơ bản” này được xem như là những chỉ dẫn bao quát và sát sao cho đời sống văn hoá- văn nghệ nói chung và cho hoạt động lý luận- phê bình- giảng dạy văn học nghệ thuật nói riêng... Bởi, đó chính là sự cụ thể hoá và hệ thống hoá những quan điểm cơ bản về văn hoá- văn nghệ của Đảng, đòi hỏi mọi người phải học tập, vận dụng và “quán triệt”. Cũng là sự phát triển tư tưởng văn nghệ của Chủ tịch

Hồ Chí Minh trong suốt một thời gian dài, khi dân tộc còn đứng trước nhiệm vụ số 1 là giải phóng dân tộc, kể từ:

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong

(*Nhật ký trong tù* - 1943)

đến: “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em (văn nghệ sĩ) là chiến sĩ trên mặt trận ấy” trong Thư gửi các hoạ sĩ nhân Triển lãm hội hoạ - 1951; và: “Dân tộc bị áp bức thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn được tự do thì phải tham gia cách mạng” trong Bài nói chuyện tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ Ba - 1963...

Tính từ *Đề cương về văn hoá Việt Nam* năm 1943 đến bài phát biểu năm 1968 này thì lịch sử hình thành, phát triển và hoàn thiện về phương diện lý luận của nền văn nghệ mới - văn nghệ cách mạng theo đường lối xã hội chủ nghĩa ở Trường Chinh có lịch sử chẵn 25 năm. Nói chẵn 25 năm vì sau thời điểm 1968, cho đến khi qua đời, năm 1988, những bài nói và viết của Trường Chinh không còn mang tính chất tổng kết và vạch đường lối cho văn nghệ mới nói chung, mà chỉ là những ý kiến trên nhiều lĩnh vực cụ thể của văn nghệ như nhiếp ảnh, điện ảnh, âm nhạc, báo chí, ngâm thơ,... Dường như, theo quan điểm của Trường Chinh và cũng là theo tiếp nhận của người đọc, một tổng kết gồm 8 mục như trong bài phát biểu năm 1968 là đã đủ và không cần nói gì thêm. Một tổng kết như là một sự hoàn thiện cả một quá trình nhận thức, theo đuổi về các vấn đề văn hoá, văn nghệ cách mạng theo quan điểm của Đảng, ở một người, trong nhiều chục năm cùng với Tố Hữu, có trách nhiệm thay mặt Đảng trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo văn học- nghệ thuật. Cần ghi vào lịch sử lý luận văn nghệ cách mạng Việt Nam những bài nói, bài viết của Trường Chinh xuất hiện khá liên tục trong thời gian ngót 30 năm ấy, sau này được Nhà xuất bản Văn học tập hợp và in đầy đủ trong 2 tập *Về văn hoá và nghệ thuật* vào các năm 1985 và 1986; và đã được tái bản vào đầu năm 2007 này.

Đó là các bài: *Máy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hoá mới Việt Nam lúc này* (1945) nhằm phát triển và cụ thể hoá *Đề cương về văn hoá Việt Nam* (1943); *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* trong Đại hội văn hoá toàn quốc lần thứ II (1948); *Phấn đấu cho một nền văn học- nghệ thuật phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội* trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II (1957); *Tăng cường tính Đảng, đi sâu vào cuộc sống để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa* trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III (1963); và bài phát biểu trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ IV - năm 1968, như đã trình bày ở trên.

Tất cả những bài viết, bài nói trong các dịp quan trọng, và có giá trị văn kiện như trên, cùng với Thư của Ban chấp hành Trung ương Đảng gửi các Đại hội

văn nghệ, qua các nhiệm kỳ, đều được các giới văn hoá, văn học, nghệ thuật học tập, nghiên cứu, thảo luận để thẩm nhuần và thực thi trong hoạt động nghề nghiệp của mình, trong suốt một thời gian dài. Đó cũng là căn cứ, là tiêu chí để xem xét và đánh giá những thành tựu và những non yếu, hạn chế của văn học-nghệ thuật qua từng chặng phát triển của nó cho đến trước Đại hội VI của Đảng...

Tôi chọn mốc 1968 để thấy sự tổng kết trên 8 mục như một cấu thành hoàn chỉnh đường lối văn nghệ của Đảng mà Trường Chinh có trách nhiệm khởi thảo và phát biểu. Thời điểm 1968 với sự kiện Tết Mậu Thân, là thời điểm quyết liệt trong sự nghiệp đấu tranh ở miền Nam; phải 7 năm sau mới có Đại thắng mùa Xuân - 1975. Thời điểm 1968, tính theo sự phát triển đất nước, còn phải chờ ngót hai chục năm sau mới đến được bước ngoặt là công cuộc Đổi mới. Có nghĩa là cuộc sống còn đang diễn biến trong cả một thời gian dài với biết bao thử nghiệm và thử thách đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nói chung, trong đó có sự nghiệp văn hoá, văn nghệ. Có thể nghĩ, người có đóng góp tích cực cho thành công của Đại hội VI - 1986 trên khẩu hiệu lớn: "*Lấy dân làm gốc*" ở tư cách Tổng bí thư, hẳn chắc cũng sẽ sáng suốt trong việc nhận ra những mặt còn hẹp hòi, còn hạn chế trong các vấn đề lý luận được xem là cốt lõi, là nền tảng cho sự nghiệp xây dựng một nền văn nghệ mới - văn nghệ cách mạng. Sự hẹp hòi và hạn chế đó có mặt do các nguyên nhân lịch sử khách quan quả là khó tránh, đến từ các hoàn cảnh hẹp và rộng, riêng và chung, của đất nước và của toàn phe xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam là bộ phận. Có mặt do chính những hạn chế chủ quan của chúng ta - có lúc, có nơi còn thiếu một cái nhìn rộng rãi, cởi mở trên các đặc thù riêng của văn chương, nghệ thuật; có lúc có nơi còn phạm những thiếu sót trong việc thực thi các chủ trương, chính sách trong thực tiễn. Có thể nói những mặt hẹp hòi và hạn chế đó, ở hoàn cảnh hôm nay, trong thành tựu của công cuộc Đổi mới, quả không phải là khó thấy, trong đó có các vấn đề về văn nghệ phục vụ chính trị; về đặc trưng và chức năng của văn học-nghệ thuật; về tính Đảng và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa; về việc đánh giá văn học lãng mạn trước 1945, và việc nhìn nhận các trào lưu và khuynh hướng nghệ thuật trong thế giới hiện đại phương Tây; cùng với một số vấn đề cụ thể trong lý luận văn hoá, văn học, nghệ thuật.

Tư tưởng lý luận và hệ thống lý luận bao giờ cũng chịu sự chi phối của các hoàn cảnh lịch sử. Có *yếu cầu* của lịch sử và cũng có *quy định* (hoặc áp lực) của lịch sử. Có cái đúng và cần thiết cho một thời lại không còn thích hợp với các hoàn cảnh đã biến đổi. Sự ít hoặc chậm thay đổi trên một số vấn đề lý luận quan trọng của văn hoá, văn nghệ sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng - năm 1975, quả có gây nên những hạn chế hoặc tổn thương khó tránh đối với tiến trình phát triển chung; và đó chính là trách nhiệm lịch sử được trao cho công cuộc Đổi mới, với không ít các vấn đề đã được nhận thức lại để sửa đổi,

cùng một số vụ, việc cũ đã dần dần được giải toả, sau ngày đồng chí Trường Chinh qua đời.

II

Trường Chinh còn là một nhà thơ, làm thơ từ tuổi 30 với bút danh Sóng Hồng. Sinh thời, ông chỉ nhận mình là người cách mạng “*thích thơ và biết làm thơ*”... “*Những bài thơ tôi làm cốt để phục vụ, tuyên truyền cách mạng hoặc để ghi lại một số tình cảm sâu sắc của đời mình*”(1). Nhân tập *Thơ Sóng Hồng* ra mắt bạn đọc, Trường Chinh có dịp trình bày những ý kiến của mình về thơ, trong Lời nói đầu: *Cùng bạn đọc*. Điều đáng chú ý là trong các loại hình nghệ thuật, ông đánh giá rất cao vị trí của thơ, khi cho rằng: “*Thơ là nghệ thuật kỳ diệu bậc nhất của trí tưởng tượng*”(2). Chữ “*bậc nhất*” này trong lần tái bản *Thơ Sóng Hồng* năm 1967 vẫn còn, nhưng đến bộ tuyển *Về văn hoá và nghệ thuật*, tập II, năm 1986, ông mới lược bỏ, để chỉ còn là “*nghệ thuật kỳ diệu của tưởng tượng*”(3). Như vậy vẫn là một đánh giá cao. Người yêu thơ và thích làm thơ đó cố nhiên là rất mê *Truyện Kiều*. Hồi kháng chiến chống Pháp, ở Việt Bắc, Trường Chinh luôn có một bản *Kiều* ở bên mình, để thỉnh thoảng ngâm ngợi; và đoạn thơ ông thích nhất là đoạn Kim - Kiều thể thốt dưới trăng. Ông đã từng có lần bàn về *Kiều* rất say sưa, suốt đêm với Hoài Thanh; sáng ra khi chia tay vẫn còn nín lại để nói thêm một lúc nữa... Cái sự yêu mến *Truyện Kiều* và Nguyễn Du này ở Trường Chinh rồi còn được phát triển thêm, còn đi xa hơn, trong dịp kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du, năm 1965. Với tư chất và thiên hướng của nhà lý luận, Trường Chinh còn có dịp triển khai mạch suy nghĩ và sự khái quát của mình lên tầm một *Chủ nghĩa hiện thực phê phán* nơi Nguyễn Du. Nhưng rồi ông đã không cho công bố văn bản này. Và như vậy xem ra là thích hợp với phong cách thận trọng của ông - thận trọng trên tất cả mọi lĩnh vực nói và viết; và một sự thận trọng như thế lại càng cần thiết khi đi vào các lĩnh vực quá cụ thể, quá chuyên sâu của học thuật, để tránh khó khăn, lúng túng cho các giới chuyên môn, và cố nhiên cho cả người có tư cách phát biểu là lãnh đạo ở cấp rất cao, là đại diện của lãnh đạo.

Người mê *Truyện Kiều* cũng là người từng đọc, từng sống với phong trào Thơ mới. Cũng ở đây, ta có dịp chứng kiến một tiếp nhận “phức điệu” ở Trường Chinh. Trong bút danh Sóng Hồng, năm 1942, Trường Chinh đã có bài *Là thi sĩ* nổi tiếng, đứng trên quan điểm nghệ thuật vị nhân sinh để đối thoại và phê phán Xuân Diệu - người từng viết: “*Là thi sĩ nghĩa là ru với gió. Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây*”. Tác giả *Là thi sĩ* - người chủ trương: “*Dùng cán bút làm đòn xoay chế độ. Mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền*” quả không chút nhân nhượng và thật rạch ròi trên hai tuyến vị nghệ thuật và vị nhân sinh cũng là người đã nêu một ý kiến nổi tiếng về văn học lãng mạn: “*Đối với trào lưu văn nghệ lãng mạn, chúng ta không nên mặt sát, vợ đũa cả nắm, mà cần đi vào*

phân tích những dòng tiến bộ trong những thời kỳ khác nhau”⁽⁴⁾. Chính người nhất quán và triệt để trên quan điểm cách mạng và văn nghệ cách mạng ấy đã có lúc nói đến một nỗi niềm riêng rất xao xuyến, bàng hoàng được gọi lên từ một số khổ thơ trong bài *Tràng giang* của Huy Cận. Cái nỗi niềm yêu quê hương trong hoàn cảnh nước mất của người cách mạng quả đã tìm được sự trang trải, chia sẻ trong cảnh trời rộng, sông dài, với bè bèo mây trôi trong một bài thơ lãng mạn tiêu biểu; điều đó nói rằng, dẫu thuộc phạm trù văn thơ lãng mạn, phong trào Thơ mới vẫn để lại trong di sản những giá trị mà ta - “không nên mặt sát, vợ dũa cả nắm”. Từ ý tưởng này, Trường Chinh còn phát triển thành một luận điểm khái quát cho một nhìn nhận văn học sử: “Các tầng lớp tư sản dân tộc và tiểu tư sản trí thức Việt Nam tìm thấy trong chủ nghĩa lãng mạn một tiếng thở dài chống chế độ thuộc địa”⁽⁵⁾. Cái “tiếng thở dài” này đã trở thành một niềm an ủi cho những ai không “may” thuộc trào lưu lãng mạn. Riêng nhân vật Dũng cùng đám bạn bè đồng chí của anh ta, trong *Đôi bạn*, *Đoạn tuyệt* và *Thế rồi một buổi chiều* của Nhất Linh hẳn được sự chia sẻ nhiều nhất để không bị đẩy vào hệ nhân vật... phản diện. Và chính Tự lực văn đoàn, rồi cũng nhận được một sự đánh giá công bằng của Trường Chinh: “Hoạt động của nhóm Tự lực văn đoàn cũng đã góp phần đẩy phong trào văn nghệ nước ta tiến lên một bước”⁽⁶⁾.

Cũng cần nhắc thêm ý kiến của ông về Hoàng Ngọc Phách, nhân ngày nhà văn họ Hoàng mất, năm 1973; đối với ông, Hoàng Ngọc Phách không phải chỉ ở tư cách một người thầy cũ mà còn là một thanh niên yêu nước và là tác giả của *Tố Tâm*, cuốn sách mở đầu cho trào lưu văn học lãng mạn ở Việt Nam.

Ngoài *Đường lối văn nghệ của Đảng* được ông phát biểu trực tiếp như một sự tổng kết vào tháng 12 năm 1968, trong Đại hội văn nghệ toàn quốc (trên miền Bắc) lần thứ IV, các ý kiến như được nêu trên của Trường Chinh phát biểu rải rác trong một thời gian dài, ngót bốn chục năm, từng là cơ sở, là điểm tựa cho giới nghiên cứu, phê bình khi nhìn lại các trào lưu văn học được xem là lãng mạn - cả trong nước và trên thế giới. Trong bối cảnh căng thẳng của cuộc chiến tranh lạnh giữa hai phe trên phạm vi toàn thế giới, giữa hai giai cấp, hai ý thức hệ, hai con đường dường như không lúc nào ngưng nghỉ, trên miền Bắc và trong cả nước, cố nhiên sự vận dụng các ý kiến trên của Trường Chinh chưa thể là triệt để. Chủ nghĩa lãng mạn trong văn học thế giới và văn học Việt Nam nhìn chung vẫn là đối tượng phê phán, với mức độ khác nhau. Phải đến công cuộc đổi mới thì sự nhận thức lại về chủ nghĩa lãng mạn (bao gồm phong trào Thơ mới và Tự lực văn đoàn) mới mang định hướng khẳng định; và do đó mà dần dần đủ sức vượt qua các thành kiến và thiên kiến còn khá nặng nề không chỉ trong giới nghiên cứu mà cả trong tâm thế một phần công chúng xã hội. Xét như vậy để thấy dấu đã có cái nhìn ít nhiều cởi mở, ý kiến của Trường Chinh vẫn không làm lay chuyển được cục diện chung; và xét cho cùng sự đánh giá

của Trường Chinh vẫn còn dè dặt, và đó là điều có thể hiểu được, giải thích được.

Nói đến Trường Chinh, còn phải kể đến tư cách một nhà báo - người có một sự nghiệp viết báo sôi nổi từ thời Mặt trận Bình dân (1936-1939); người chủ trì báo *Cờ giải phóng*, với những bài viết cổ vũ toàn dân xốc tới cao trào Tổng khởi nghĩa thật chấn động và đúng lúc như *Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta...* Hoạt động báo chí của Trường Chinh trước 1945 là rất phong phú; nhưng nhân thời điểm 2007, tôi muốn trở lại giá trị của riêng tác phẩm *Vấn đề dân cày*, ông viết cùng Võ Nguyên Giáp (dưới bút danh Qua Ninh và Văn Đình), trong Tủ sách Dân chúng, Nhà xuất bản Đức Cường ấn hành năm 1937, đến nay vừa chẵn 70 năm. Cuốn sách có giá trị một điều tra xã hội học, một phóng sự nhiều kỳ, một bút ký chính luận về các mặt của đời sống nông thôn dưới chế độ phong kiến - thực dân. Cuốn sách với các con số, các mẫu chuyện, các sự kiện nhằm chứng minh tình thế bức xúc hướng tới cách mạng trong tình cảnh người dân cày. Cuốn sách xuất hiện cùng thời với *Tắt đèn*, *Bước đường cùng*, *Vỡ đê...* góp phần làm sáng tỏ một thực trạng xã hội có ý nghĩa tổ cáo chế độ phong kiến thực dân; đồng thời tạo một nhận thức cơ bản cho sự nghiệp cách mạng dân tộc- dân chủ- nhân dân ở Việt Nam là nơi có trên 95% số dân là nông dân. Cho đến đầu thế kỷ XXI, trong sự nghiệp đổi mới mà nhìn lại thì các chương nói về phong tục và giáo dục, về cách thức sinh hoạt ăn ở, về các hủ tục làng xã... vẫn là những chương có giá trị, gọi cho ta nhìn kỹ, nhìn rõ vào những vấn đề của chính bản thân mình, của đất nước và dân tộc mình, trong một sự nghiệp hoàn toàn mới mẻ: sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá để đưa dân tộc thoát ra khỏi tình thế phong bế, nghèo nàn, lạc hậu. *Vấn đề dân cày*, đúng như tên sách, không chỉ là một tiếng kêu bức xúc hướng tới cách mạng, rồi sẽ được giải quyết ở thời điểm tháng Tám năm 1945, mà còn là vấn đề xuyên suốt thế kỷ: vấn đề người nông dân tự cải tạo, tự vươn lên trên một tầm mới của cách mạng văn hoá, của cách mạng khoa học kỹ thuật; vấn đề người nông dân cần những hành trang gì để chuyển vào một hình thái xã hội mới, một tình thế lịch sử mới, khi đất nước bước vào kỷ nguyên Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Nói đến nhà báo Trường Chinh, cần phải kể thêm: đó là một người viết luôn có ý thức trau dồi và mong mọi người làm báo, viết văn cũng chăm lo trau dồi về chữ dưng, về câu văn, về ngôn ngữ tiếng Việt; là người từ rất sớm đã viết: *Mười tám điều tự răn trong khi viết văn* (1947), và *Hãy gây một phong trào làm trong sáng lời và văn của chúng ta* (1948).

Chú thích

- 1, 2. Sóng Hồng, *Thơ*; Nxb. Văn học, Hà Nội, 1967.
3. Trường Chinh, *Về văn hoá và nghệ thuật*. Tập II; Nxb. Văn học; Hà Nội, 1986; tr.141.
4. Trường Chinh, *Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú...* Tập II; Nxb. Văn học; Hà Nội; tr.241.
- 5, 6. Trường Chinh, *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam*. Tập II; Nxb. Văn học; Hà Nội; tr.55, 87.